

Phụ lục 01.
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 21 /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. NGUỒN PHÁT SINH NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên, lưu lượng khoảng 14,4 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt sau xử lý lưu giữ tại bể thu gom sau đó bơm di động về téc chứa nước cấp cho sản xuất để tái sử dụng cho cơ sở, không phát thải ra môi trường.

2. Nguồn phát sinh số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn ngâm quặng và bán thành phẩm của cơ sở, lưu lượng khoảng 16 m³/ngày.đêm. Nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý tái sử dụng cho cơ sở, không phát thải ra môi trường.

3. Nguồn phát sinh số 03: Nước làm mát tháp dập nước. Nước được lưu giữ tại bể làm mát và được tái sử dụng. Trường hợp bể làm mát gần tràn được bơm về téc chứa nước cấp cho sản xuất để tái sử dụng cho cơ sở, không phát thải ra môi trường.

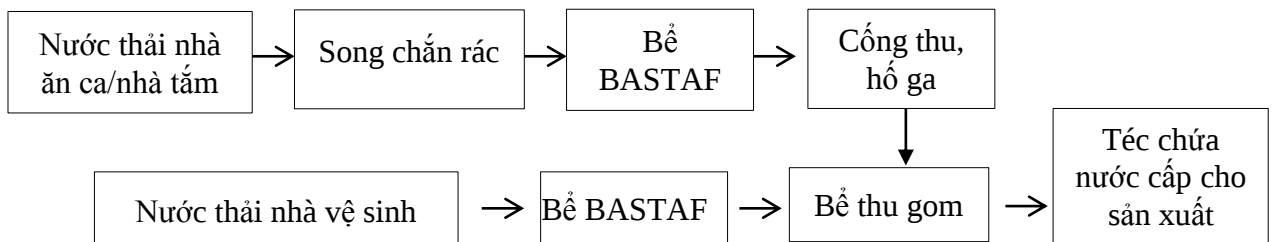
4. Nguồn phát sinh số 04: Nước phát sinh từ quá trình làm nguội xỉ. Nước được lưu giữ tại bể làm nguội xỉ và tái sử dụng (được cấp nước bổ sung khi có sự hao hụt). Trường hợp khi đưa xỉ vào bể, dẫn đến nước chứa trong bể gần tràn-thì nước làm nguội xỉ được bơm về téc chứa nước cấp cho sản xuất để tái sử dụng cho cơ sở, bảo đảm không phát thải ra môi trường.

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

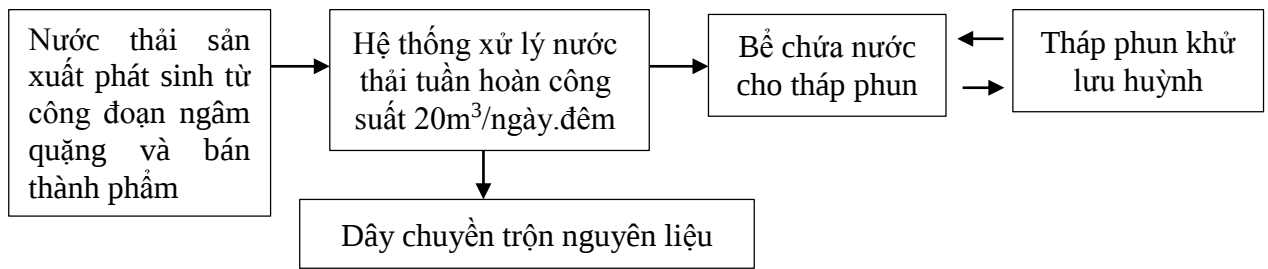
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

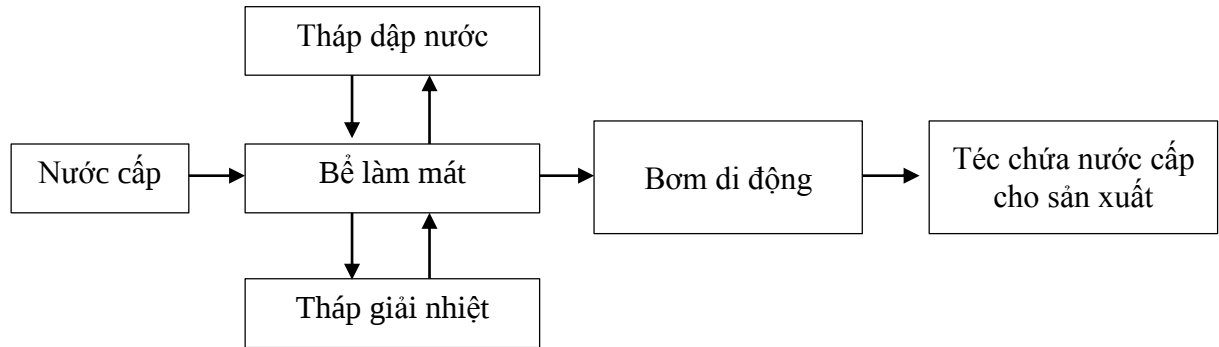
- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:



- Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh từ công đoạn ngâm quặng và bán thành phẩm:

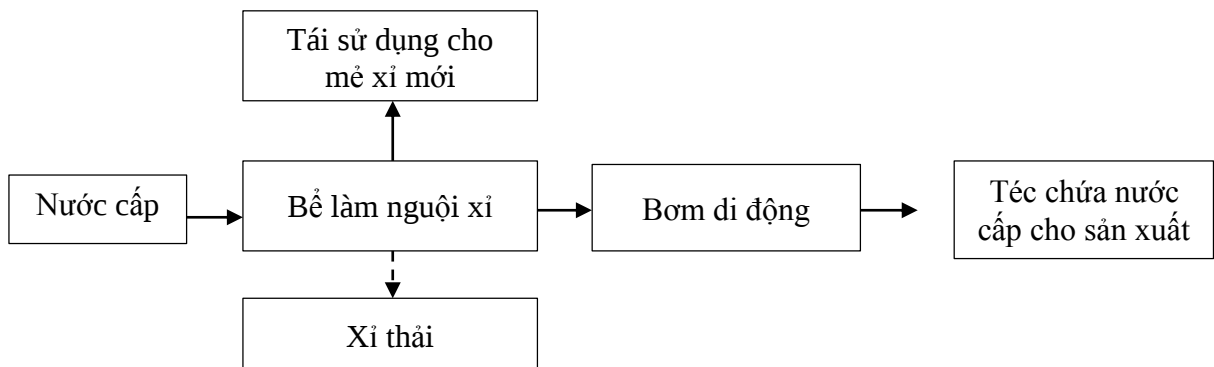


- Mạng lưới thu gom nước làm mát tháp dập nước:



Nước làm mát được sử dụng, lưu giữ tại bể làm mát tái sử dụng. Trường hợp bể làm mát gần tràn, sử dụng bơm di động bơm về téc chứa nước cấp cho sản xuất của cơ sở. Không phát thải ra ngoài môi trường.

- Mạng lưới thu gom nước phát sinh từ quá trình làm nguội xỉ:



Nước được lưu giữ tại bể làm nguội xỉ và tái sử dụng (được cấp nước bổ sung khi có sự hao hụt). Trường hợp khi đưa xỉ vào bể dẫn đến nước chứa trong bể gần tràn thì nước làm nguội xỉ được bơm về téc chứa nước cấp cho sản xuất để tái sử dụng cho cơ sở, bảo đảm không phát thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

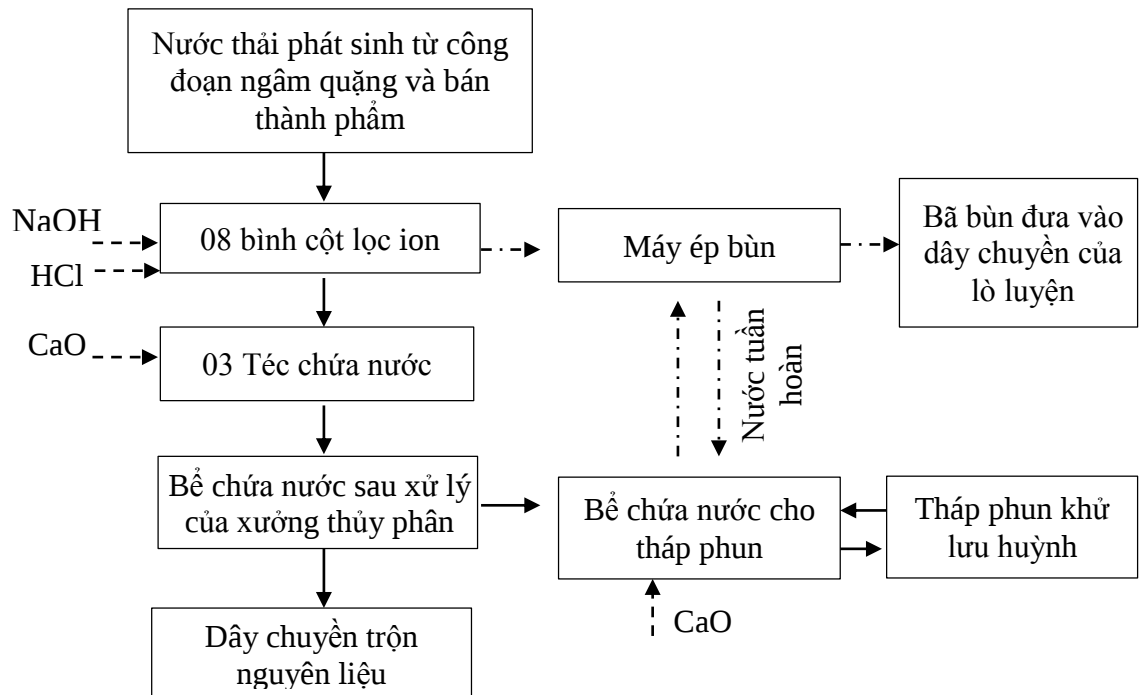
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Hệ thống bể tự hoại cải tiến Bastaf → Bể thu gom → Téc chứa nước cấp cho sản xuất. Không phát thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 03 Bể tự hoại cải tiến Bastaf, mỗi bể có thể tích $39,5\text{m}^3$ và 01 bể thu gom có thể tích $67,65\text{m}^3$.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phát sinh từ công đoạn ngâm

quặng và bán thành phẩm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải phát sinh từ công đoạn ngâm quặng và bán thành phẩm của cơ sở

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn công suất 20 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH: 1,2 tấn/năm; HCl: 1,2 tấn/năm; CaO: 2 tấn/năm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo thực hiện tuần hoàn toàn bộ nước thải theo quy trình, không xả nước thải ra môi trường.

Phụ lục 02.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 21/01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò nung.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò sấy.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ lò nhiệt điện.

Các nguồn phát sinh được dẫn đưa về 01 hệ thống xử lý khí thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải.

- Vị trí xả thải: 01 vị trí tại ống khói sau xử lý khí thải của cơ sở thuộc thôn Tân Hoa, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): X = 2376156; Y = 408574.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 90.000 m³/giờ.

a) Phương thức xả khí thải: Xả thải gián đoạn.

b) Chất lượng khí thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Cột C, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	≤ 230		
3	Axit Clohydric, HCL	mg/Nm ³	≤ 25		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300		
6	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤ 25		
7	Bụi tổng (PM)	mg/Nm ³	≤ 35		
8	Niken (Ni) và hợp chất Ni (tính theo Ni)	mg/Nm ³	≤ 1,2		

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

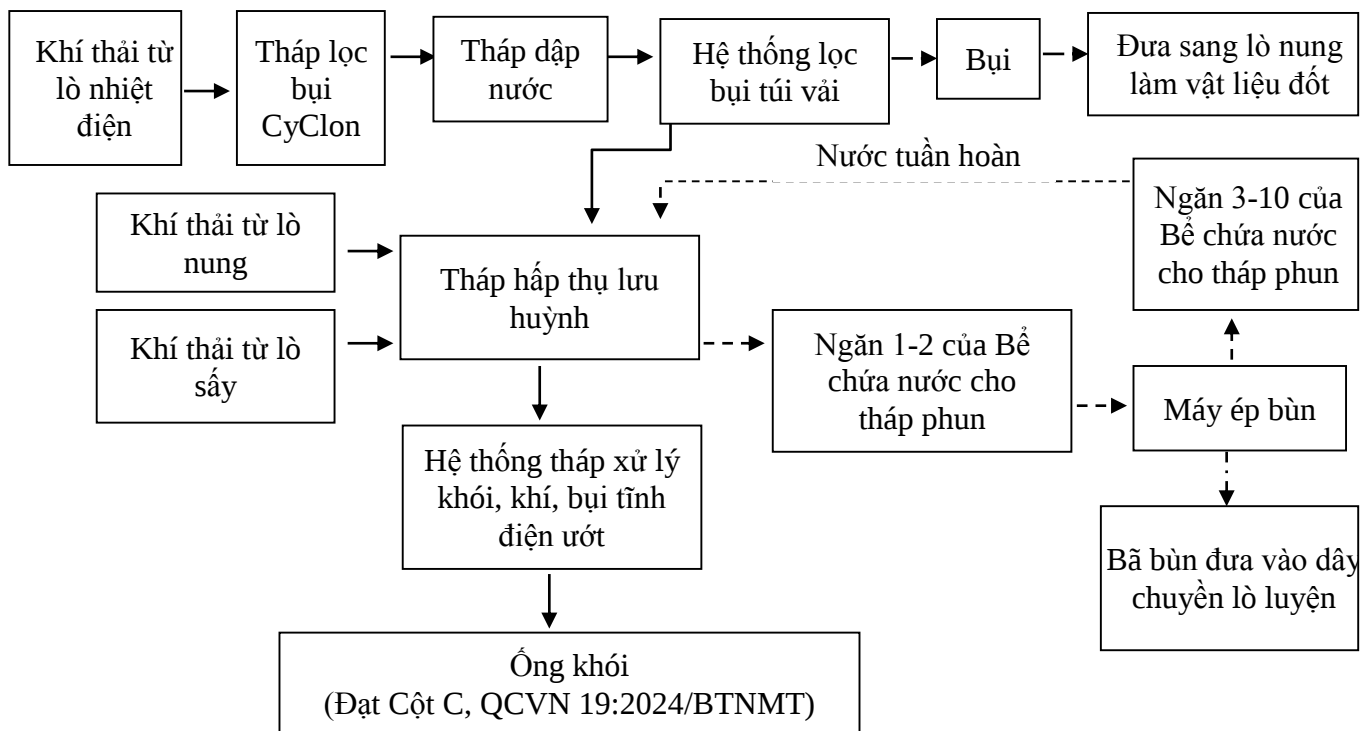
Khí thải phát sinh từ lò nhiệt điện thông qua ống dẫn D900 vào các thiết bị xử lý khí thải sơ bộ và thoát ra ống D600 đi vào hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý trước khi thoát ra ngoài ống khói cao 55m.

Khí thải phát sinh từ lò nung được thu qua ống D800 và theo ống dẫn D1000 đi vào hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý trước khi thoát ra ngoài ống khói cao 55m.

Khí thải phát sinh từ lò sấy theo đường ống D600 đi vào hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý trước khi thoát ra ngoài ống khói cao 55m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải của cơ sở

- Công suất thiết kế: 90.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: CaO: 70 tấn/năm; Thiết bị lọc bụi túi vải: 560 túi (khi cần thay sẽ thực hiện thay thế để đảm bảo việc thu gom, xử lý).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
HTXL khí thải của cơ sở	01/02/2026	01/8/2026	Từ 50% trở lên

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải:

a) Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải của cơ sở.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại mục I Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Lấy đơn tần suất 1 lần/ngày.

- Thời gian lấy mẫu:

+ Lần 1: 24/3/2026.

+ Lần 2: 25/3/2026.

+ Lần 3: 26/3/2026.

Ghi chú: Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý khí thải, bảo dưỡng, thay thế nguyên vật liệu, vật tư các thiết bị đảm bảo vận hành ổn định.

Phụ lục 03.

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 21 /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng TB (kg/năm)
1	Vỏ hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	01
2	Bóng đèn nê ông hỏng	Rắn	16 01 06	04
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	120
4	Dầu máy, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	600
5	Bao bì mềm thải có thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	50
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	120
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	45
8	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	24
9	Ắc quy hỏng thải bỏ	Rắn	19 06 01	120
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 10 01	200
Tổng				1.284

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Loại chất thải	Số lượng TB (tấn/năm)
1	Bùn ép (quặng đuôi) từ xưởng thủy phân	18
3	Xi thải từ lò nhiệt điện	10.800
Tổng		18.818

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên khoảng 60 kg/ngày.

1.4. Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải phát sinh khoảng 60 tấn/năm; thực hiện phân tích, đánh giá ngưỡng chất thải nguy hại: trường hợp thuộc danh mục chất thải nguy hại, sẽ thực hiện thu gom, xử lý như chất thải nguy hại; trường hợp là chất thải rắn thông thường sẽ thực hiện thu gom, lưu chứa và xử lý như chất thải rắn thông thường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị: Bố trí các thùng phuy chứa chất thải nguy hại đặt trong kho chất thải nguy hại.

- Kho: Bố trí kho chứa CTNH diện tích 25 m².

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Bùn ép (quặng đuôi) xưởng thủy phân lưu giữ trong bãi tập kết bùn ép (quặng đuôi) xưởng thủy phân (vị trí nằm trong kho bã nguyên liệu lò nung, nguyên liệu lò luyện). Diện tích khoảng 120 m², có nền bê tông, mái che.

- Xỉ thải từ lò điện lưu giữ tại kho để bã lò luyện. Diện tích khoảng 360 m², có nền bê tông, mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị: bố trí khoảng 10 thùng 5L tại các phòng làm việc; 04 thùng 10L và 03 thùng 240L tại các khu nhà.

- Kho: Bố trí kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 5,25 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: bùn thải từ quá trình xử lý nước thải được lưu giữ tạm thời tại bãi tập kết Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải (vị trí nằm trong kho nguyên liệu). Diện tích khoảng 200 m², có nền bê tông, mái che.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở có trách nhiệm đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án giải pháp ứng phó sự cố môi trường; phục hồi môi trường và đền bù thiệt hại sau sự cố môi trường (nếu có) theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 04.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 21 /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

1. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định liên quan.
2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp phép theo quy định.
3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành. Bảo đảm đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý chất thải của cơ sở để thường xuyên vận hành hiệu quả.
4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả chất thải không bảo đảm các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với việc xả chất thải ra môi trường theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.